



Bảng dữ liệu an toàn

Bản quyền, 2024, Công ty 3M. Đã đăng ký bản quyền. Sao chép và/hoặc tái xuống thông tin này cho mục đích sử dụng đúng cách các sản phẩm 3M được cho phép với điều kiện: (1) thông tin được sao chép hoàn toàn không có thay đổi trừ trường hợp đã có thỏa thuận từ trước bằng văn bản với 3M, và (2) không phải là bản sao cũng như bản gốc được bán lại hoặc phân phối với mục đích kiếm lợi nhuận từ đó.

Nhóm tài liệu:	11-1358-8	Số phiên bản:	1.01
Ngày phát hành:	23/02/2024	Ngày thay thế:	10/12/2019

Bảng chỉ dẫn về an toàn này được lập theo thông tư 32/2017/TT-BCT và Thông tư 17/2022/TT-BCT 2022 và Nghị định 113/2017/NĐ-CP và nghị định 82/2022/NĐ-CP của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất của bộ công thương

Mục 01: Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

1.1. Định dạng sản phẩm

3M™ Hot Melt Adhesive 3747-AE, 3747-PG, 3747-Q, 3747-TC

1.1.1 Số CAS Không áp dụng

1.1.2 Số UN Không được phân loại

1.2. Mục đích và các hạn chế sử dụng

Mục đích sử dụng

Keo nền

1.3. Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu, sản xuất, phân phối)

Địa chỉ Công ty TNHH 3M Việt Nam, lầu 20, tòa nhà Mapletree business, số 1060 đường Nguyễn Văn Linh, phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số điện thoại +84 28 5416 0429

Website https://www.3m.com.vn/3M/vi_VN/company-vn/

1.4. Số điện thoại khẩn cấp

+84 28 5416 0429 (từ 8:30 am đến 5:30 pm, Thứ hai đến Thứ sáu)

Mục 2: Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của các chất

Phân loại nguy hiểm

Sản phẩm này không được phân loại là hóa chất độc hại theo Thông tư 32/2017/TT-BCT và Thông tư cập nhật số 17/2022/TT-BCT

Thành phần nhãn

Từ khóa

Không áp dụng

Biểu tượng cảnh báo

Không áp dụng

Hình vẽ cảnh báo

Không áp dụng

Nguy cơ khác

Có thể gây bỏng nhiệt. Tránh tiếp xúc với vật liệu nóng chảy ép đùn hoặc đầu bôi. Tránh để mắt tiếp xúc trực tiếp với hơi. Trong trường hợp mắt / da tiếp xúc với vật liệu nóng chảy, ngay lập tức rửa bằng nước lạnh và băng lại bằng băng sạch. Không cố gắng loại bỏ vật liệu nóng chảy. Đến bác sĩ điều trị vết bỏng.

Mục 3: Thông tin về thành phần các chất

Sản phẩm này là hợp chất

Thành phần	C.A.S. No.	% khối lượng
Ethylene Vinyl Acetate Polymer	24937-78-8	25 - 45
Hydrocarbon Resin	68132-00-3	10 - 30
Polyethylene	9002-88-4	10 - 20

Mục 4: Biện pháp sơ cứu về y tế**Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết****Hít phải**

Có thể không cần sơ cứu. Nếu các triệu chứng phát triển, hãy đưa người bị ảnh hưởng đến không khí trong lành. Và chăm sóc y tế.

Tiếp xúc với da

Lập tức rửa sạch với một lượng lớn nước lạnh trong ít nhất 15 phút. Không cố gắng lau đi. Cần chăm sóc y tế ngay lập tức.

Tiếp xúc với mắt

Lập tức rửa mắt với một lượng lớn nước trong ít nhất 15 phút. Không cố gắng lấy ra khỏi mắt. Cần chăm sóc y tế ngay lập tức.

Trường hợp nuốt phải

Không cố gắng gây nôn. Súc miệng với nước sạch. Nếu cảm thấy không khỏe, hãy đến nơi chăm sóc y tế gần nhất.

Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm

Không có ảnh hưởng hoặc triệu chứng đặc biệt. Xem mục 11.1. về thông tin ảnh hưởng độc.

Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

Không áp dụng

Mục 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn**5.1. Các chất chữa cháy phù hợp**

Trong trường hợp hỏa hoạn: Sử dụng chất chống cháy phù hợp với vật liệu dễ cháy, như là nước hoặc bột dập lửa.

5.2. Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

Không có trong sản phẩm

Chất phân hủy có hoặc sản phẩm phụ độc hại

Chất

Carbon monoxide
Carbon dioxide

Điều kiện

Trong quá trình cháy
Trong quá trình cháy

5.3. Lời khuyên cho lính cứu hoả

Mặc quần áo bảo hộ đầy đủ, bao gồm mũ bảo hiểm, mặt nạ dưỡng khí tự cấp, áo và quần bảo hộ, băng quấn quanh cánh tay, thắt lưng và chân, mặt nạ và thiết bị bảo vệ phần đầu bị tiếp xúc.

Mục 6: Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

6.1. Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp

Xem biện pháp phòng ngừa ở các mục khác.

6.2. Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

Tránh giải phóng ra môi trường.

6.3. Các phương pháp và vật liệu dùng để chứa đựng và làm sạch

Cố gắng thu gom hết các vật liệu tràn. Đựng trong thùng kín được phép vận chuyển theo cơ quan có thẩm quyền. Làm sạch vật liệu còn sót lại. Đóng kín thùng đựng hóa chất tràn. Tiêu hủy hóa chất được thu gom ngay khi có thể theo luật hiện hành của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.

Mục 7: Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn với hóa chất

Tránh tiếp xúc với vật liệu còn nóng. Chỉ định cho sử dụng trong công nghiệp. Không sử dụng cho mục đích tiêu dùng.

Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

Không có yêu cầu lưu trữ đặc biệt.

Mục 8: Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

8.1. Các thông số kiểm soát

Gới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Không có giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp cho bất kỳ thành phần nào được liệt kê ở mục 3 trong bảng an toàn hóa chất này

Kiểm soát phơi nhiễm

8.2.1. Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật

Sử dụng thông gió làm loãng hoặc thông gió cục bộ để kiểm soát nồng độ bụi lơ lửng dưới giới hạn cho phép và/ hoặc kiểm soát bụi/ khói/ khí/sương mù/ hơi/ phun sương. Nếu thông gió không thực hiện được, sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp.

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ mắt/mặt

Không có yêu cầu

Bảo vệ da/tay

Bắt buộc sử dụng găng tay chống hóa chất

Bảo vệ đường hô hấp

Không có yêu cầu

Nguy cơ nhiệt

Mang bao tay cách nhiệt, kính bảo hộ, và mặt nạ bảo vệ dạng full face khi xử lý vật liệu nóng để tránh bỏng nhiệt.

Mục 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất**9.1. Thông tin cơ bản về đặc tính vật lý và hóa học**

Trạng thái vật lý	Chất rắn
Trạng thái vật lý đặc trưng:	Waxy Solid
Màu sắc	Màu hổ phách nhạt
Mùi	Không mùi
Ngưỡng mùi	<i>Không có dữ liệu</i>
pH	<i>Không áp dụng</i>
Nhiệt độ nóng chảy/ đông đặc	<i>Không có dữ liệu</i>
Nhiệt độ sôi	<i>Không có dữ liệu</i>
điểm chớp cháy	265 °C [<i>Phương pháp thử nghiệm: Cleveland Open Cup</i>]
Tốc độ bay hơi	<i>Không áp dụng</i>
Khả năng cháy	Không được phân loại
Giới hạn cháy dưới (LEL)	<i>Không áp dụng</i>
Giới hạn cháy trên (UEL)	<i>Không áp dụng</i>
Mật độ hơi nước hoặc/ và mật độ hơi nước tương đối	Nil
Tỷ trọng	0,97 g/ml
Mật độ tương đối	0,97 [<i>Ref Std Nước = 1</i>]
Độ tan trong nước	Nil
Độ hòa tan trong dung dịch khác	[<i>Chi tiết: Chất rắn</i>] <i>Không có dữ liệu</i>
Hệ số phân tán: octanol/nước	<i>Không có dữ liệu</i>
Nhiệt độ tự bốc cháy	300 °C
Nhiệt độ phân hủy	<i>Không có dữ liệu</i>
Độ nhớt/ Độ nhớt động học	<i>Không áp dụng</i>
Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi	0 g/l [<i>Phương pháp thử nghiệm: tính theo quy tắc SCAQMD 443.1</i>]
Phần trăm bay hơi	<i>Không có dữ liệu</i>
VOC ít H₂O & dung môi miễn trừ	0 g/l [<i>Phương pháp thử nghiệm: tính theo quy tắc SCAQMD 443.1</i>]
Phân tử khối	<i>Không có dữ liệu</i>
Solids Content	100 %

Mục 10: Mức ổn định và phản ứng của hóa chất**10.1. Khả năng phản ứng**

Vật liệu này có thể không phản ứng ở một số điều kiện nhất định

10.2. Tính ổn định hoá học

Ổn định

10.3. Khả năng xảy ra các phản ứng nguy hiểm

Phản ứng polymer hóa độc hại không diễn ra

10.4. Các điều kiện cần tránh

Không có

10.5. Các vật liệu không tương thích

Không có

10.6. Các sản phẩm phân huỷ nguy hiểm

Chất

Không có

Điều kiện

Tham khảo mục 5.2 cho sản phẩm phân huỷ nguy hiểm khi đang cháy

Mục 11: Thông tin về độc tính

Các thông tin dưới đây có thể không khớp hoàn toàn với bảng phân loại vật liệu ở Phần 2 khi phải phân loại các thành phần cụ thể theo quy định của cơ quan chức năng. Ngoài ra, các dữ liệu về thành phần độc tính có thể không được phản ánh qua việc phân loại vật liệu và/hoặc qua các dấu hiệu và triệu chứng phơi nhiễm vì thành phần đó có thể dưới ngưỡng cần phải dán nhãn, không thể phơi nhiễm được hoặc thông tin có thể không liên quan đến toàn bộ vật liệu.

11.1. Thông tin về các tác động độc hại

Dấu hiệu và triệu chứng phơi nhiễm

Dựa trên các dữ liệu và/hoặc thông tin thí nghiệm về các thành phần, vật liệu này có thể có các tác động đến sức khỏe như sau:

Hít phải

Không gây ảnh hưởng đến sức khỏe

Tiếp xúc với da

Gia nhiệt: Bỏng nhiệt: dấu hiệu/triệu chứng bao gồm đau rát, sưng đỏ, phỏng rộp, tổn thương mô
Phản ứng dị ứng da (không bao gồm dị ứng da do ánh nắng) ở đối tượng nhạy cảm: các dấu hiệu/triệu chứng có thể bao gồm đỏ, sưng, phỏng rộp và ngứa.

Tiếp xúc với mắt

Gia nhiệt: Bỏng nhiệt: dấu hiệu/triệu chứng bao gồm đau rát, sưng đỏ, phỏng rộp, tổn thương mô

Nuốt phải

Không gây ảnh hưởng đến sức khỏe

Dữ liệu độc tính

Nếu một thành phần được liệt kê ở phần 3 nhưng không được trình bày trong bảng sau thì có nghĩa

là chưa có dữ liệu hoặc dữ liệu không phù hợp để phân loại

Độc tính cấp

Tên	Đường	Loài	Giá trị
Tổng thể sản phẩm	Nuốt phải		Không có dữ liệu, ATE >5.000 mg/kg
Ethylene Vinyl Acetate Polymer	Da		LD50 Ước tính > 5.000 mg/kg
Ethylene Vinyl Acetate Polymer	Nuốt phải	Chuột	LD50 > 1.000 mg/kg
Hydrocarbon Resin	Da		LD50 Ước tính > 5.000 mg/kg
Hydrocarbon Resin	Nuốt phải		LD50 Ước tính > 5.000 mg/kg
Polyethylene	Da		LD50 Ước tính > 5.000 mg/kg
Polyethylene	Nuốt phải	Chuột	LD50 > 2.000 mg/kg

ATE = acute toxicity estimate

Ăn mòn/ kích ứng da

Tên	Loài	Giá trị
Ethylene Vinyl Acetate Polymer	Đánh giá của chuyên gia	Không gây kích ứng nghiêm trọng
Hydrocarbon Resin	Đánh giá của chuyên gia	Không gây kích ứng nghiêm trọng
Polyethylene	Đánh giá của chuyên gia	Không gây kích ứng nghiêm trọng

Tổn thương/ kích ứng mắt nghiêm trọng

Tên	Loài	Giá trị
Ethylene Vinyl Acetate Polymer	Đánh giá của chuyên gia	Không gây kích ứng nghiêm trọng
Hydrocarbon Resin	Đánh giá của chuyên gia	Không gây kích ứng nghiêm trọng

Nhạy cảm với

Kích ứng da

Không có dữ liệu hoặc là dữ liệu không đầy đủ cho việc phân loại đối với thành phần/ một số thành phần

Kích ứng hô hấp

Không có dữ liệu hoặc là dữ liệu không đầy đủ cho việc phân loại đối với thành phần/ một số thành phần

Biến đổi tế bào gốc

Không có dữ liệu hoặc là dữ liệu không đầy đủ cho việc phân loại đối với thành phần/ một số thành phần

Gây ung thư

Tên	Đường	Loài	Giá trị
-----	-------	------	---------

Polyethylene	Không được đề cập	Nhiều loại động vật	Có vài thông tin xác thực, nhưng không đủ để phân loại
--------------	-------------------	---------------------	--

Độc hại với khả năng sinh sản

Ảnh hưởng đến sự phát triển/khả năng sinh sản

Không có dữ liệu hoặc là dữ liệu không đầy đủ cho việc phân loại đối với thành phần/ một số thành phần

Cơ quan đặc hiệu

Độc tính với cơ quan đặc hiệu cụ thể - bội nhiễm

Không có dữ liệu hoặc là dữ liệu không đầy đủ cho việc phân loại đối với thành phần/ một số thành phần

Độc tính với cơ quan đặc hiệu cụ thể - phơi nhiễm kép

Tên	Đường	Cơ quan đặc hiệu	Giá trị	Loài	Kết quả thử nghiệm	Thời gian phơi nhiễm
Ethylene Vinyl Acetate Polymer	Nuốt phải	Gan	không có	Chuột	NOAEL 4.000 mg/kg/day	90 Ngày

Nguy cơ hô hấp

Không có dữ liệu hoặc là dữ liệu không đầy đủ cho việc phân loại đối với thành phần/ một số thành phần

Vui lòng liên hệ địa chỉ và số điện thoại ở trên trang đầu của bảng an toàn hóa chất này để biết thêm thông tin về độc tính của vật liệu và/hoặc các thành phần của nó

Mục 12: Thông tin về sinh thái

Các thông tin dưới đây có thể không khớp hoàn toàn với bảng phân loại vật liệu ở Phần 2 khi phải phân loại các thành phần cụ thể theo quy định của cơ quan chức năng. Một số thông tin có liên quan đến bảng phân loại vật liệu ở phần 2 có thể tham khảo nếu cần. Ngoài ra, các dữ liệu về chuyển hóa và ảnh hưởng môi trường có thể không được phản ánh qua việc phân loại vật liệu và/hoặc qua các dấu hiệu và triệu chứng phơi nhiễm vì thành phần đó có thể dưới ngưỡng cần phải dán nhãn, không thể phơi nhiễm được hoặc thông tin có thể không liên quan đến toàn bộ vật liệu.

Độc tính

Độc tính cấp đối với hệ thủy sinh:

Không được phân loại độc tính cấp đối với loài thủy sinh theo tiêu chuẩn GHS.

Độc mãn tính đối với hệ thủy sinh:

Không phải độc mãn tính đối với loài thủy sinh theo GHS.

Chưa có kết quả thử nghiệm sản phẩm

Vật liệu	Cas #	Loài	Loại	Thời gian phơi nhiễm	Kết quả kiểm tra	Kết quả thử nghiệm
----------	-------	------	------	----------------------	------------------	--------------------

Ethylene Vinyl Acetate Polymer	24937-78-8	N/A	Không có dữ liệu hoặc dữ liệu không đầy đủ để phân loại	N/A	N/A	N/A
Hydrocarbon Resin	68132-00-3	N/A	Không có dữ liệu hoặc dữ liệu không đầy đủ để phân loại	N/A	N/A	N/A
Polyethylene	9002-88-4	N/A	Không có dữ liệu hoặc dữ liệu không đầy đủ để phân loại	N/A	N/A	N/A

Tính bền vững và phân hủy sinh học

Vật liệu	Số CAS	Phương thức thử nghiệm	Thời gian thử nghiệm	Loại hình nghiên cứu	Kết quả thử nghiệm	Giao thức
Ethylene Vinyl Acetate Polymer	24937-78-8	Không có dữ liệu hoặc không đầy đủ	N/A	N/A	N/A	N/A
Hydrocarbon Resin	68132-00-3	Mô hình hóa Phân hủy sinh học	28 Ngày	Nhu cầu oxy sinh hóa	0 %BOD/ThOD	Catalogic™
Polyethylene	9002-88-4	Không có dữ liệu hoặc không đầy đủ	N/A	N/A	N/A	N/A

12.3. Khả năng tích lũy sinh học

Vật liệu	Số CAS	Phương thức thử nghiệm	Thời gian thử nghiệm	Loại hình nghiên cứu	Kết quả thử nghiệm	Giao thức
Ethylene Vinyl Acetate Polymer	24937-78-8	Không có dữ liệu hoặc dữ liệu không đầy đủ để phân loại	N/A	N/A	N/A	N/A
Hydrocarbon Resin	68132-00-3	Không có dữ liệu hoặc dữ liệu không đầy đủ để phân loại	N/A	N/A	N/A	N/A
Polyethylene	9002-88-4	Không có dữ liệu hoặc dữ liệu không đầy đủ để phân loại	N/A	N/A	N/A	N/A

Tính biến đổi trong đất

Vui lòng liên hệ với nhà sản xuất để biết thêm chi tiết

12.5 Các hiệu ứng nghiêm trọng khác

Chưa có thông tin

Mục 13: Thông tin về thải bỏ

13.1. Các biện pháp xử lý chất thải

Tiêu hủy sản phẩm/bình chứa theo đúng các quy định hiện hành tại địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.

Trước khi tiêu hủy, vui lòng tham vấn cơ quan chức năng và các quy định hiện hành để đảm bảo phân loại thích hợp Chất thải được xử lý tại cơ sở xử lý chất thải cho phép. Một biện pháp xử lý thay thế là đốt tại cơ sở đốt chất thải được phép. Việc tiêu hủy có thể yêu cầu sử dụng thêm nhiên liệu trong quy trình đốt. Trong trường hợp không còn biện pháp nào khác, chất thải được lắp ở các hố chôn thiết kế riêng cho rác thải công nghiệp.

Mục 14: Thông tin khi vận chuyển

Không nguy hiểm trong quá trình vận chuyển

Vận chuyển đường biển

Mã số UN Không được phân loại

Loại hình vận chuyển Không được phân loại

Tên kỹ thuật Không được phân loại

Phân loại môi nguy Không được phân loại

Nguy cơ khác Không được phân loại

Đóng gói Không được phân loại

Khối lượng giới hạn Không được phân loại

Chất gây ô nhiễm môi trường biển Không được phân loại

Tên kỹ thuật Không được phân loại

Lưu ý cần phải biết vận khi chuyển sản phẩm nguy hiểm

Không được phân loại

Vận chuyển đường hàng không

Mã số UN Không được phân loại

Loại hình vận chuyển Không được phân loại

Tên kỹ thuật Không được phân loại

Phân loại môi nguy Không được phân loại

Nguy cơ khác Không được phân loại

Đóng gói Không được phân loại

Khối lượng giới hạn Không được phân loại

Chất gây ô nhiễm môi trường biển Không được phân loại

Tên kỹ thuật Không được phân loại

Lưu ý cần phải biết vận khi chuyển sản phẩm nguy hiểm

Không được phân loại

Phân loại phương thức vận chuyển được hỗ trợ như một phần của dịch vụ chăm khách hàng. Trong quá trình vận chuyển, bạn phải tuân thủ luật hiện hành bao gồm việc lựa chọn phương thức vận chuyển phù hợp và hình thức đóng gói. Việc phân loại phương thức vận chuyển của 3M được dựa trên thông tin sản phẩm, bao bì cũng như chính sách và sự hiểu biết tốt nhất của 3M về luật hiện hành. 3M không cam kết về độ chính xác về thông tin phân loại. Thông tin này nhằm phục vụ cho việc lựa chọn phương thức vận chuyển và không sử dụng cho mục đích đóng gói hay ghi nhãn. Thông tin chỉ mang tính chất tham khảo. Nếu bạn chọn vận chuyển bằng đường biển hoặc đường hàng không, bạn nên kiểm tra và tuân thủ theo các luật hiện hành.

Mục 15: Thông tin về pháp luật

15.1. Luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đặc trưng cho hoá chất và hỗn hợp

Tình trạng tồn kho quốc tế

Vui lòng liên hệ 3M để biết thêm thông tin. Các thành phần của vật liệu này tuân thủ các quy định của Đạo luật kiểm soát hóa chất Hàn Quốc. Một số hạn chế có thể áp dụng. Liên hệ với bộ phận bán hàng để biết thêm thông tin. Các thành phần của vật liệu này tuân thủ các quy định của Chương trình đánh giá và thông báo hóa chất công nghiệp của Úc (NICNAS). Một số hạn chế có thể áp dụng. Liên hệ với bộ phận bán hàng để biết thêm thông tin. Các thành phần của vật liệu này tuân thủ các quy định theo Luật kiểm soát chất hóa học Nhật Bản. Một số hạn chế có thể được áp dụng. Liên hệ với bộ phận bán hàng để biết thêm thông tin. Các thành phần của vật liệu này tuân thủ các quy định của Philippines RA 6969. Một số hạn chế có thể áp dụng. Liên hệ với bộ phận bán hàng để biết thêm thông tin. Các thành phần của sản phẩm này tuân thủ các yêu cầu thông báo chất mới theo CEPA. Sản phẩm này tuân thủ các biện pháp quản lý môi trường dành cho chất hóa học mới. Tất cả các thành phần trong đó đã được liệt kê hoặc được miễn trừ theo China IECSC Inventory. Các thành phần của sản phẩm này tuân thủ các quy định của TSCA về vấn đề thông báo hóa chất. Tất cả các thành phần được yêu cầu trong sản phẩm đã được liệt kê trong TSCA Inventory.

Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về an toàn, sức khỏe và môi trường theo: Luật hóa chất ngày 21/11/2007. Nghị định 82/2022/ND-CP ngày 18/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 113/2017/nđ-cp ngày 09 tháng 10 năm 2017 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất. Thông tư 17/2022/TT-BCT 2022 ngày 27/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của bộ trưởng bộ công thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất và nghị định số 113/2017/nđ-cp ngày 09 tháng 10 năm 2017 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất. Nghị định số 42/2020/ND-CP ngày 08/4/2020 quy định danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa. Thông tư số 37/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 05A:2020/BCT về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm và các quy định pháp luật có liên quan.

Mục 16: Thông tin cần thiết khác

JAIA 6332 bốn sao / Hiệp hội công nghiệp keo Nhật Bản

Thông tin được sửa đổi:

Mục 01: địa chỉ e-mail thông tin bị xóa.

Phần 01: Số điện thoại khẩn cấp thông tin đã được thay đổi.

Mục 01: tên sản phẩm thông tin đã được thay đổi.

Mục 02: Nguy cơ - Khác thông tin đã được thay đổi.

Section 02: Phân loại theo VN thông tin đã được thêm vào.

Mục 02: Phân loại GHS theo VN thông tin bị xóa.

Mục 02: Hình đồ cảnh báo VN không áp dụng thông tin đã được thêm vào.

Mục 02: hình đồ VN thông tin bị xóa.

Mục 03: Bảng thành phần sản phẩm thông tin đã được thay đổi.

Mục 04: Thông tin về sơ cấp cứu khi nuốt phải thông tin đã được thay đổi.

Mục 04: thông tin về sơ cấp cứu cho hô hấp thông tin đã được thay đổi.

Phần 04: Thông tin độc tính ảnh hưởng thông tin bị xóa.

Mục 05: hỏa hoạn - thông tin về vật liệu chữa cháy thông tin đã được thay đổi.

Mục 06: thông tin phát thải cá nhân ngẫu nhiên thông tin đã được thay đổi.

Mục 07: các điều kiện lưu trữ an toàn thông tin đã được thay đổi.

Mục 08: thông tin kiểm soát kỹ thuật phù hợp thông tin đã được thay đổi.

Mục 08: thông tin bảo vệ mắt thông tin đã được thêm vào.
Mục 08: thông tin về bảo vệ cho mắt/mắt thông tin bị xóa.
Mục 08: thông tin bảo vệ cá nhân - bảo vệ mắt thông tin bị xóa.
Mục 08: thông tin bảo hộ cá nhân - da/tay thông tin đã được thay đổi.
Phần 08: Bảo vệ Cá nhân - Thông tin về các nguy cơ nhiệt thông tin đã được thay đổi.
Phần 09: Tất cả thuộc tính thông tin đã được thêm vào.
Phần 09: Tất cả thuộc tính thông tin bị xóa.
Phần 9: Phần trăm bay hơi thông tin đã được thêm vào.
Mục 09: mô tả thuộc tính cho các thuộc tính tùy chọn thông tin đã được thêm vào.
Mục 09: mô tả thuộc tính cho các thuộc tính tùy chọn thông tin bị xóa.
Mục 09: Tính hòa tan (không phải hệ dung môi nước) thông tin đã được thay đổi.
Phần 09: Tỷ trọng bay hơi thông tin đã được thêm vào.
Mục 09: nồng độ hơi thông tin bị xóa.
Mục 09: thông tin về độ nhớt thông tin bị xóa.
Phần 9: Độ nhớt thông tin đã được thêm vào.
Phần 9: VOC ít hơn H₂O & dung môi loại trừ thông tin đã được thêm vào.
Phần 9: Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi thông tin đã được thêm vào.
Mục 11: Bảng độc tính cấp thông tin đã được thay đổi.
Mục 11: thông tin các ảnh hưởng đến sức khỏe - mắt thông tin đã được thay đổi.
Mục 11: tác động đến sức khỏe - da thông tin đã được thay đổi.
Mục 12: Thông tin về độc tính sinh thái cho từng thành phần thông tin đã được thay đổi.
Mục 12: thông tin về tính bền vững và khả năng phân hủy thông tin đã được thay đổi.
Mục 12: thông tin về khả năng tích lũy sinh học thông tin đã được thay đổi.

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM: Các thông tin trong Bảng Chỉ Dẫn Về An Toàn này là thông tin chính xác tính đến ngày phát hành. Tuy nhiên, 3M không chịu trách nhiệm về các tổn thất, mất mát hay thương tật phát sinh do sử dụng sản phẩm (trừ khi luật bắt buộc). Những thông tin này sẽ trở nên vô giá trị nếu sử dụng không đúng theo các hướng dẫn đã nêu trong Bảng chỉ dẫn này hoặc sử dụng sản phẩm kết hợp với các loại vật liệu khác. Chính vì vậy, người sử dụng nên tiến hành thí nghiệm để tự kiểm chứng về sự phù hợp của sản phẩm cho các mục đích ứng dụng cụ thể của mình.

Bảng an toàn hóa chất của 3M Việt Nam có thể tìm thấy ở trang web https://www.3m.com.vn/3M/vi_VN/company-vn/